

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04 /2007/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 01 năm 2007.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định chính sách khuyến khích phát triển tiêu thủ
công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn; Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã; Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 910 QĐ/BNN-CB ngày 31 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành nghề nông thôn trong công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn đến 2010;

Thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 27 tháng 8 năm 2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XIV) về đẩy mạnh phát triển công nghiệp giai đoạn 2006 - 2010; Thông báo số 112-TB/TU ngày 15 tháng 7 năm 2006 về ý kiến của Thường trực Tỉnh uỷ tại cuộc họp ngày 14 tháng 7 năm 2006; Kết luận số 08 - KL/TU ngày 01 tháng 8 năm 2006 Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (kỳ 8);

Căn cứ Nghị quyết số 98/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 7 về chính sách khuyến khích phát triển tiêu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 47/2005/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 56/2005/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân

tính về việc ban hành chính sách khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 57/2005/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của quỹ hỗ trợ, khuyến khích phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Quỹ khuyến công);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp tại Tờ trình số 198b/TTr-CN ngày 07 tháng 7 năm 2006 về việc phê duyệt chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công nghiệp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban đảng TU, Văn phòng Tỉnh ủy;
- UB Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy Dân chính Đảng;
- Như Điều 2 (thực hiện);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các chuyên viên;
- Lưu VT.

Báo
cáo



Lê Thị Quang

QUY ĐỊNH

Chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2007/QĐ-UBND ngày 18 /01/2007
của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn) bao gồm:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
- Hợp tác xã được thành lập hoạt động theo Luật Hợp tác xã;
- Hộ kinh doanh cá thể đăng ký theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh;
- Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động dịch vụ khuyến công;
- Các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

Điều 2. Các hoạt động ngành nghề được khuyến khích phát triển

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất tiểu thủ công nghiệp, xây dựng làng nghề trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách thuộc các ngành nghề sau:

- Công nghiệp chế biến, bảo quản nông - lâm - thủy sản;
- Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng từ 20 lao động trở lên;
- Sản xuất sản phẩm mới, hàng thay thế hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu sử dụng chủ yếu nguyên liệu trong nước;
- Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy cơ khí nông nghiệp;
- Thủy điện nhỏ, điện sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo có công suất lắp đặt dưới 10.000 KW để cung cấp điện cho nông thôn, vùng sâu, vùng xa;
- Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh;

- Đầu tư vốn xây dựng kết cấu hạ tầng cho cụm, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

2. Những nội dung không nêu trong chính sách được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn; khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã; khuyến khích đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Chương II **CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN** **TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP**

Điều 3. Hỗ trợ kinh phí từ Quỹ khuyến công

Cơ sở sản xuất tiêu thủ công nghiệp, xây dựng làng nghề thuộc các danh mục ngành, nghề nêu tại Điều 2, Chương I được xem xét, hỗ trợ từ Quỹ khuyến công của tỉnh như sau:

1. Hỗ trợ kinh phí tập huấn cho tổ chức, cá nhân lập dự án đầu tư phát triển tiêu thủ công nghiệp, mức hỗ trợ tối đa không quá 30% quy định tại Quyết định số 11/2005/QĐ - XD ngày 15 tháng 4 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ban hành định mức lập dự án và thiết kế xây dựng công trình.

2. Hỗ trợ 30% kinh phí xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm hàng hoá, mức hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/dự án.

3. Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề mới; mức hỗ trợ tối đa không quá 300.000 đồng/người/tháng, không quá 1.500.000 đồng/người/khoá học nghề.

4. Đối với những dự án khả thi thực hiện phát triển tiêu thủ công nghiệp, sau khi đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào sản xuất, được hỗ trợ 20% kinh phí đầu tư cho dự án, mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án.

Điều 4. Ưu đãi về đất

Các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn thuộc danh mục ngành, nghề nêu tại Điều 2, Chương I có nhu cầu sử dụng đất để di dời các cơ sở sản xuất cũ, chật hẹp, ô nhiễm môi trường hoặc để xây dựng cơ sở sản xuất mới được ưu tiên cho thuê đất với mức giá thấp nhất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Hỗ trợ kết cấu hạ tầng

Tỉnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng gồm: đường giao thông, xử lý môi trường, hệ thống cấp điện, cấp, thoát nước, thông tin liên lạc đến hàng rào của khu, cụm công nghiệp. Đối với các điểm tiêu, thủ công nghiệp do huyện, thị xã thành lập thì Ủy ban nhân dân huyện, thị xã có trách nhiệm làm việc với các đơn vị cung ứng điện, nước hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đến hàng rào các điểm tiêu, thủ công nghiệp. ✕

Chương III CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ

Điều 6. Điều kiện được hưởng chính sách

Các làng, thôn, khu dân cư có tổ chức sản xuất các ngành nghề phi nông nghiệp, đã tồn tại trong một thời gian nhất định trên địa bàn tỉnh nếu được cấp có thẩm quyền công nhận đạt các tiêu chí theo quy định thì được công nhận là làng nghề và được hưởng các ưu đãi của chính sách khuyến khích phát triển làng nghề.

Điều 7. Quyền lợi của làng nghề

1. Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp thuộc làng nghề được ưu tiên hưởng các chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp của tỉnh tại chính sách này và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

2. Cơ sở sản xuất và cá nhân của làng nghề có công trong việc cây nghề, phát triển nghề truyền thống cho làng nghề, bảo đảm tiêu thụ sản phẩm ổn định lâu dài cho làng nghề được tỉnh tôn vinh, khen thưởng.

3. Đơn vị được công nhận là làng nghề, được Quỹ khuyến công tỉnh hỗ trợ một lần 20 triệu đồng để phục vụ các chương trình phát triển ngành nghề của làng, xã và để tôn vinh các tổ chức, cá nhân có công đóng góp xây dựng phát triển làng nghề.

Làng nghề được tỉnh ưu tiên xem xét hỗ trợ kinh phí xây dựng kết cấu hạ tầng: đường điện, đường nước, đường giao thông... Mức hỗ trợ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể phù hợp với quy mô đầu tư của dự án xây dựng kết cấu hạ tầng.

Điều 8. Các đơn vị, cá nhân được hỗ trợ từ Quỹ khuyến công quy định tại Chương II, III nêu ở trên nhưng sử dụng không đúng mục đích hoặc quá thời hạn quy định mà không triển khai thực hiện dự án, thì phải hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ cho cơ quan quản lý Quỹ; nếu để xảy ra thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Giao Sở Công nghiệp phối hợp với các cấp, các ngành liên quan tổ chức thực hiện và có trách nhiệm hướng dẫn các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn, làng nghề thực hiện đúng Quy định này. ♪

Điều 10. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Công nghiệp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Quang